

QUY ĐỊNH NHẬP KHẨU CỦA SINGAPORE

Giới thiệu

Singapore là một quốc gia nhỏ, không có tài nguyên thiên nhiên. Do vậy, nền kinh tế nước này phụ thuộc rất lớn vào hàng nhập khẩu. Cũng vì lý do này mà Singapore đã thực hiện chính sách mở cửa và việc nhập khẩu vào Singapore rất đơn giản.

Các quy trình chuẩn bị nhập khẩu được thực hiện thông qua internet, cho phép thương nhân nhận giấy phép nhập khẩu trong vòng 24h và không gặp nhiều rắc rối. Hệ thống này là TradeNet cho phép đẩy nhanh tốc độ xử lý, thương nhân có thể gửi đơn xin Giấy phép nhập khẩu trực tuyến.

Việc xin phép nhập khẩu nhìn chung khá đơn giản vì có rất ít hạn chế đối hàng nhập khẩu. **Hàng hoá bị cấm nhập khẩu chỉ bao gồm:** kẹo cao su, thuốc lá nhai, các sản phẩm tương tự thuốc lá, bật lửa hình súng ngắn hoặc súng lục, các loại thuốc bị kiểm soát và các chất gây nghiện, kim cương thô từ Cote D'Ivoire, súng tê giác, pháo, một số hàng hoá nhập khẩu hoặc quá cảnh đi Bắc Triều Tiên hoặc Iran, các ấn phẩm đồi trụy (ấn phẩm, băng, đĩa, phần mềm), các sản phẩm vi phạm bản quyền (ấn phẩm, băng video, đĩa video, đĩa laser, băng ghi hình, ghi âm và các vật phẩm khác có nội dung kích động nổi loạn, tạo phản).

Đối với một số loại hàng hoá nhất định phải xin giấy phép nhập khẩu do cơ quan có thẩm quyền chuyên ngành cấp và phải nộp cùng giấy phép từ TradeNet. Ví dụ, thực phẩm phải chịu sự quản lý của cơ quan thực phẩm nông nghiệp và thú y.

Khi giấy phép đã được cấp và hàng hoá đã ở trong Singapore để chờ phân phối sẽ phải chịu các loại thuế. **99,9% hàng hoá tại Singapore không phải chịu thuế nhập khẩu. Các loại hàng phải đóng thuế nhập khẩu là: rượu cồn, các sản phẩm thuốc lá, các phương tiện giao thông, các sản phẩm dầu lửa. Mức thuế được áp dụng tùy theo loại hàng hoá.**

Tất cả hàng hoá được tiêu thụ tại Singapore phải chịu thuế GST, thuế đánh vào hàng hoá và dịch vụ tại Singapore. Kể từ tháng 7/2007, GST được áp ở mức 7% giá CIF.

Nếu hàng hoá không nhằm mục đích phân phối ngay khi cập cảng, hoặc được quá cảnh hoặc tái xuất thì có thể lưu kho. Khu Miễn Thuế được sử dụng để lưu kho, đóng gói lại, phân loại hoặc tu sửa đối với các hàng hoá chịu thuế. **Chỉ nhà kho được cấp phép mới được sử dụng để lưu trữ rượu và các sản phẩm thuốc lá.**

Kho ngoại quan là nơi lưu giữ hàng miễn thuế. Các kho này không nhất thiết phải do chính phủ sở hữu, bất kỳ ai là chủ hàng hoặc người cung cấp dịch vụ đều có thể mở kho ngoại quan sau khi xin phép.

Thương nhân có thể tạm thời nhập khẩu hàng để sửa chữa hoặc triển lãm. Các loại hàng được nhập để sửa chữa sẽ không phải đóng thuế thông thường và thuế GST nếu hàng được tái xuất trong vòng 3 tháng kể từ ngày cập cảng. Tuy nhiên, phải cần có giấy phép và bảo đảm của ngân hàng về việc đóng thuế/GST nếu không đáp ứng các yêu cầu trên.

Hàng để triển lãm có thể nhập khẩu bằng cách sử dụng hệ thống ATA chuyển trực tiếp qua biên giới bằng đường bộ hoặc thông qua Chương trình Tạm nhập. Đối với hệ thống ATA chuyển trực tiếp qua biên giới bằng đường bộ, hàng hoá và phương tiện vận chuyển phải xuất trình trước Hải quan ngay khi người triển lãm đến. **Hàng có thể phải đóng GST, nhưng có thể được hoàn lại cho những loại hàng hóa không phải chịu thuế.**

Đối với Chương trình Tạm nhập, hàng hoá có thể được xách tay vào Singapore hoặc nhập vào dưới dạng hàng hoá ký gửi. **Phải có giấy phép hải quan đối với việc tạm nhập, thanh toán thuế/GST và tái xuất hàng hoá. Phải có bảo lãnh ngân hàng trị giá 30% số thuế/GST dự kiến phải đóng.**

Do đó, có thể thấy, nhập khẩu hàng hoá vào Singapore không liên quan đến những thủ tục kéo dài và mệt mỏi. Giấy phép rất dễ xin, kho hàng có sẵn và rất ít hạn chế đối với hàng hoá được nhập khẩu. Ngược lại với sự đơn giản của thủ tục nhập khẩu, thương nhân phải biết rằng Singapore có luật lệ rất chặt chẽ, không thể can thiệp được. Có các hình phạt nặng đối với những người vi phạm.

Một số hướng dẫn chi tiết

Việc đầu tiên phải làm để nhập khẩu vào Singapore là gì?

Cần phải có một đối tác là công ty có trụ sở tại Singapore đóng vai trò là nhà nhập khẩu hoặc phân phối. Các công ty nhập khẩu này sẽ phải thực hiện tất cả các thủ tục nhập khẩu như khai báo hải quan... Việc làm này rất tiện lợi vì tất cả các biểu mẫu có thể khai trực tuyến và đối tác nhập khẩu này đã được đăng ký.

Thuế và thuế hàng hoá, dịch vụ

Thuế

Các loại hàng hoá phải đóng thuế tại Singapore bao gồm: đồ uống có cồn, các sản phẩm thuốc lá, phương tiện giao thông và các sản phẩm hoá dầu.

Thuế tính theo giá trị hàng hoá: Mức thuế được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị hải quan của hàng hoá nhập khẩu. ví dụ 20% thuế giá trị hàng hoá.

Giá trị hải quan: Để tính giá trị hải quan, phải sử dụng giá trị giao dịch hoặc giá phải trả hoặc giá dự kiến trả đối với hàng hoá nhập khẩu. Cước vận chuyển, tiền bảo hiểm cũng được tính vào giá hải quan (giá CIF). Giá trị giao dịch phải bao gồm tất cả các loại tiền phải đóng, bao gồm: tiền hoa hồng, hỗ trợ (nguyên liệu cung cấp bởi nhà nhập khẩu), giá đóng gói, chi phí tải xuất được cộng dồn vào cho người bán, tiền bản quyền và phí cấp phép...

Mức thuế cụ thể: Là mức thuế được tính trên đơn vị khối lượng hoặc số lượng của hàng hoá, ví dụ 293 đôla/kg.

Cách tính thuế đối với đồ uống như sau:

a) Công thức

Thuế = Tổng lượng hàng hoá (đơn vị lít) x 70.00 đôla x độ cồn.

b) Ví dụ: Nhập khẩu 100 lít rượu Port Wine với độ cồn 19%.

Thuế = 100 x 70 x 0,19 = 1.330 SGD.

Danh sách biểu thuế đối với hàng hoá phải đóng thuế được ghi trong phụ lục.

Thuế ưu đãi được áp dụng đối với các nước đã ký FTA với nhau. Nghĩa là, thuế hải quan đối với một số hàng hoá nhập khẩu có nguồn gốc từ nước đối tác trong FTA có mức thấp hơn hoặc được loại bỏ hoàn toàn.

Để tìm hiểu thêm, liên hệ với: <http://www.iesingapore.gov.sg/wps/portal/FTA>

Danh sách hàng hoá thuộc diện kiểm soát được liệt kê dưới đây.

Danh sách các cơ quan có thẩm quyền được liệt kê dưới đây.

Thuế hàng hoá và dịch vụ (GST)

Tất cả mọi hàng hoá đều phải đóng thuế GST. Thuế GST là 7%.

Giá trị tính thuế GST đối với hàng hoá chịu thuế được tính dựa trên giá trị CIF hoặc giá bán cuối cùng (LSP), nếu có hơn 1 lần bán, phải cộng thêm tất cả các loại thuế và khoản phải nộp khác.

Giá trị tính thuế GST đối với hàng hoá không phải chịu thuế được tính dựa trên giá CIF cộng với các khoản tiền hoa hồng và tiền phí khác kể cả không được thể hiện trên hoá đơn hoặc giá bán cuối cùng LSP. Giá CIF nếu được tính bằng ngoại tệ phải được đổi sang đôla Singapore bằng tỷ giá hối đoái hải quan hiện hành.

Tỷ giá hối đoái hải quan có thể được tham khảo tại địa chỉ:
<http://appm4.internet.gov.sg/scripts/customs/exc/exrate.asp>

Thanh toán thuế và GST

Thuế và GST có thể được hoãn nộp đến khi tiêu dùng hàng hoá nếu hàng hoá được nhập khẩu hoặc sản xuất theo nhiều giai đoạn khác nhau.

Nhà kho được cấp phép

Nhà kho được cấp phép là khu vực được chỉ định, cấp phép bởi Hải quan Singapore để lưu kho hàng hoá chịu thuế, bao gồm: đồ uống, thuốc lá, phương tiện giao thông, xăng dầu. Tại nhà kho này, hàng có thể chưa phải đóng thuế và GST.

Chương trình Nhà kho miễn thuế GST

Nhà kho miễn thuế GST là nơi được chỉ định và cấp phép bởi Hải quan Singapore để lưu trữ hàng hoá được tạm hoãn đóng GST. Theo quy tắc chung, có thể lưu kho mọi loại hàng hoá trừ:

- a. Hàng chịu thuế.
- b. Hàng hoá sản xuất trong nội địa hoặc tạo ra trong nội địa và
- c. Hàng phải tính thuế GST

Chương trình tạm nhập

Các loại hàng hoá, ngoại trừ rượu và thuốc lá, được phép nhập khẩu để sửa chữa và phục vụ các mục đích khác như biểu diễn, kiểm tra, thí nghiệm, trưng bày mà không phải đóng thuế hoặc GST với điều kiện hàng hoá này phải được tái xuất trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhập khẩu. Nếu hàng hoá không được tái xuất sau thời hạn trên, sẽ phải đóng thuế và GST.

Để củng cố vai trò trung tâm thương mại toàn cầu của Singapore, các chương trình và giấy phép như trên thường được rà soát lại. Để biết thêm chi tiết, có thể xem trên trang web:
<http://customs.gov.sg/leftNav/trad/Customs+Schemes+and+Licences.htm>

Nơi lưu kho hàng hoá

Khu thương mại tự do

Là nơi hàng chịu thuế (từ rượu và thuốc lá) có thể được lưu, đóng gói lại, phân loại và sửa chữa.

Khu tự do thương mại được đặt ở:

- Cảng Singapore
- Cảng Jurong.
- Bến Sembawang.
- Bến Pasir Panjang.
- Khu phức hợp hàng hoá tại sân bay Changi.

Kiểm soát hải quan

Tại Khu thương mại tự do kiểm soát hải quan được giảm thiểu để tạo thuận lợi cho thương mại. Tất cả hàng hoá nhập khẩu bằng đường biển, hàng không đầu tiên phải được lưu tại Khu Thương mại Tự do, ngoại trừ:

- i. Khi Tổng Cục trưởng Hải quan Singapore thấy rằng việc lưu hàng như vậy tại khu FTZ là không thực tế, khi đó Tổng cục trưởng Hải quan Singapore có thể ra lệnh hoặc trong những trường hợp đặc biệt không cho các hàng hoá đó được lưu kho và,
- ii. Một số loại hàng hoá, ví dụ đồ uống có cồn, thuốc lá, xì gà, xì gà xén tay hai đầu, thuốc lá Beedies, thuốc lá bột, thuốc lá được sản xuất tại nhà máy hoặc không được sản xuất tại nhà máy đều phải lưu kho tại khu vực được cấp phép theo đạo luật Hải quan, Cap 70.

Không cần giấy phép hải quan để chuyển hàng chịu thuế theo vận đơn chở suốt nếu:

i. Hàng hoá đến bằng đường không và được chuyển tiếp bằng đường không trong cùng khu vực FTZ bằng vận chuyển nội bộ.

ii. Hàng đến bằng đường biển trong container và container được chuyển tiếp mà không dỡ đệm chèn hàng hoặc làm lại, trong cùng khu vực FTZ bằng vận chuyển nội bộ.

Đóng gói lại trong Khu Thương mại tự do

Nhà nhập khẩu có thể đóng gói, sửa chữa, phân loại và thử hàng tại khu FTZ nếu trước đó đã được Hải quan Singapore cấp phép.

Đơn xin đánh dấu lại, đóng gói lại, chèn hoặc dỡ chèn hàng chịu thuế và lấy mẫu để phân loại và đánh giá sẽ được nộp trực tuyến thông qua e-filing: <http://www.customs.gov.sg/trade/sumõimenu.html>

Người nhận phải thông báo trước 24h việc làm của mình. Phải có Giấy phép dỡ hàng/di chuyển của Hải quan trước khi tiến hành các hoạt động đóng gói lại.

Nhà kho được cấp phép

Rượu và các sản phẩm thuốc lá có thể được lưu tại đâu?

Tại các nhà kho được cấp phép.

Nơi nào cấp phép chèn/dỡ chèn hàng chịu thuế tại một nhà kho được cấp phép?

Giấy phép vận hành một nhà kho tại khu miễn GST có thể được xin trực tuyến thông qua cổng dịch vụ e-filing tại địa chỉ <http://www.customs.gov.sg>

Kiểm tra đối với hàng hóa có phải bắt buộc không?

Mọi gói hàng, dù đóng thùng hay đóng gói... ở trong điều kiện tốt sẽ được coi là chứa đủ số lượng khai báo.

Làm thế nào để đăng ký kiểm tra hải quan đối với hàng hoá

Đơn xin cần được viết tay và gửi đến Bộ phận Nhà kho

Cần 2 bản sao.

Các đơn xin cần làm trong vòng 24 giờ kể từ khi hàng đến kho được cấp phép.

Sau khi kiểm tra sẽ như thế nào?

Chủ/đại lý của lô hàng có thể sửa chữa hoặc đóng gói lại hàng hoá.

Nếu hàng bị thiếu, thuế sẽ được hoàn lại.

Hàng không phù hợp cho tiêu thụ có thể bị huỷ dưới sự giám sát của Hải quan.

Có phải đóng phí kiểm tra hoặc giám sát việc đóng gói và tiêu hủy hàng không?

Phải đóng phí đối với các hàng hoá chịu thuế đem kiểm tra, đóng gói lại và tiêu hủy.

Kho ngoại quan (theo Chương trình Nhà kho miễn thuế GST)

Mọi hàng hoá phải chịu thuế GST ngay khi nhập khẩu.

Kể cả đối với nhà nhập khẩu đã đăng ký GST, trả thuế GST ngay tại nơi nhập và đòi lại thuế GST đối với số nguyên liệu đã cung ứng, số thuế phải nộp được tính dựa trên giá trị hàng nhà nhập khẩu phải trả theo báo cáo chu chuyển tiền tệ.

Điều này là cần thiết nhất là trong trường hợp nhà nhập khẩu tái xuất hàng hoá. Sở dĩ như vậy vì hàng xuất khẩu không phải đóng thuế, nghĩa là nhà nhập khẩu sẽ không thu lại thuế GST để bù vào số thuế đã đóng.

Hơn nữa, việc thu và ghi GST đối với tất cả hàng nhập khẩu và nguyên liệu cung ứng tại chỗ có thể khiến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao.

Chương trình Nhà kho miễn thuế GST nhằm củng cố hình ảnh Singapore là trung tâm phân phối, giao nhận của khu vực. Chương trình này giúp các nhà nhập khẩu, xuất khẩu và phân phối giảm chi phí doanh nghiệp.

Một Nhà kho miễn thuế GST về mặt nhận thức là sự mở rộng của Khu Thương mại Tự do (FTZ) vào khu nhà xưởng của doanh nghiệp. Khi hàng hoá được di chuyển khỏi khu FTZ hoặc nhập khẩu thông qua cửa thông quan đường bộ và di chuyển vào nhà kho miễn thuế GST, hàng hoá có thể được tạm hoãn đóng thuế GST.

Tương tự, Thuế GST được tạm hoãn đối với khi hàng được chuyển từ một nhà kho miễn GST này sang một nhà kho miễn GST khác. GST chỉ phải đóng khi hàng được di chuyển khỏi nhà kho miễn GST vào thị trường nội địa.

Hơn nữa, việc cung ứng hàng hoá khi hàng đang ở trong nhà kho không liên quan đến mục đích thu thuế GST. Hay nói cách khác, thuế GST sẽ không bị thu đối với việc bán hàng “trong kho” (nơi chủ sở hữu lô hàng thay đổi trong khi hàng vẫn ở trong nhà kho). Tuy nhiên, các khoản phí lưu kho của nhà kho miễn thuế sẽ được tính vào GST trừ khi phí được tính trực tiếp vào hàng hoá dùng để xuất khẩu và dịch vụ được cung cấp cho người nước ngoài.

Theo Chương trình miễn thuế GST, có 3 loại giấy phép là: Nhà kho loại 1, Nhà kho loại 2 và Nhà kho loại 3, để đáp ứng các nhu cầu khác nhau của các doanh nghiệp.

Nhà kho loại 1

Nếu bạn vận hành một cơ sở lưu kho và bạn cần một nhà kho miễn thuế GST chỉ để chứa hàng nhập khẩu tại Singapore để sau đó tái phân phối vào thị trường quốc tế và khu vực, giấy phép loại này có thể phù hợp với nhu cầu của bạn. Bạn cần đảm bảo rằng ít nhất 80% hàng nhập khẩu và lưu tại nhà kho miễn thuế GST sau đó được tái xuất. Do đó, Hải quan Singapore sẽ ít đặt ra yêu cầu đối với chất lượng sổ sách và kiểm soát nội bộ của bạn.

Nhà kho loại 2

Ngoài việc sử dụng Singapore với vai trò là trung tâm khu vực/quốc tế đối với hàng nhập khẩu, nếu hàng hoá của bạn cũng được sử dụng để bán trong nội địa, giấy phép loại này có thể sẽ phù hợp với bạn. Không giống loại 1, giấy phép loại này không yêu cầu tỷ lệ % hàng miễn thuế GST được phép bán nội địa. Do đó, nhà nhập khẩu sẽ được hoãn thuế GST đến khi hàng trong kho miễn thuế được bán vào tiêu thụ trong nội địa. Để đáp ứng điều kiện đối với loại nhà kho này, công ty của bạn phải có nền tảng tài chính tốt và thể hiện sự kiểm soát nội bộ chặt chẽ và phải có hệ thống quản lý và lưu trữ lưu kho tốt.

Nhà kho loại 3

Nếu bạn vận hành một cơ sở nhiều kho để lưu trữ hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu cũng như tiêu thụ nội địa, loại giấy phép này phù hợp với bạn. Bạn không chỉ được hoãn thuế GST đến khi hàng hóa tiêu thụ nội địa mà bạn còn được linh hoạt lưu kho và chuyển hàng giữa các kho. Nếu Bạn có doanh số bán hàng nội địa cao, bạn có thể linh hoạt thanh toán GST hàng tuần. Để đáp ứng điều kiện loại này, công ty phải có tài chính tốt, và thể hiện sự kiểm soát nội bộ chặt chẽ và phải có hệ thống quản lý và lưu trữ lưu kho tốt.

Để tìm hiểu thông tin đầy đủ, có thể tra cứu:
<http://www.customs.gov.sg/NR/rdonlyres/0FDCAE56-1E01-45E3-8367-6AEC30231D91/13010/handbook.pdf>

Các loại nhập khẩu khác

a) Tạm nhập tái xuất

Hàng hoá có thể được nhập khẩu để sửa chữa mà không phải đóng thuế và/hoặc GST nếu sau đó hàng được tái xuất trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhập khẩu.

Thủ tục xin cấp phép

Người xin cấp phép phải nộp Đơn xin phép nhập kho Hải quan theo Chương trình Tạm nhập tại thời điểm nhập khẩu.

Bộ phận Kế khai và Cấp phép yêu cầu phải có giấy bảo lãnh của một ngân hàng hoặc công ty tài chính với mức tiền tương ứng số thuế và/hoặc GST của hàng phải nộp.

Các tài liệu cần để tái xuất hàng hoá

Phải có giấy phép xuất kho Hải quan. Cả hàng hoá và giấy phép phải được trình lên Hải quan tại điểm xuất cảnh.

Quy trình giải phóng hàng

Dấu nhận dạng do Hải quan đóng lên hàng hoá khi nhập khẩu sẽ được xác nhận lại tại điểm xuất cảnh. Hoạch số hiệu lô hàng sẽ được xác nhận với các tài liệu liên quan khác.

Thủ tục hoàn trả Giấy bảo lãnh của ngân hàng/công ty tài chính

Bộ phận Kế khai và Giấy phép sẽ sắp xếp để hoàn trả giấy bảo lãnh sau khi hàng hoá được giải phóng để xuất khẩu.

b) Nhập hàng mẫu

Hàng mẫu (ngoại trừ rượu và thuốc lá) có tổng giá trị không quá 400 SGD có thể được nhập khẩu mà không phải trả thuế và/hoặc GST.

Không cần giấy phép hải quan.

Các tài liệu kèm theo, ví dụ: hoá đơn, vận đơn đường biển/đường không phải trình lên Hải quan để xác nhận tại điểm nhập khẩu.

c) Nhập hàng để triển lãm

Tài liệu quảng cáo, quà tặng

Thuế GST được tính đối với tất cả các tài liệu quảng cáo, quà tặng và các loại hàng hoá đem theo khác khi nhà triển lãm nhập khẩu vì chúng được dùng để tiêu thụ nội địa. Tuy nhiên, **nếu hàng hoá được nhập bằng đường bưu điện hoặc đường không và tổng giá trị hàng không quá 400 SGD sẽ được miễn thuế GST.**

Lái xe qua biên giới

Nhà triển lãm nước ngoài có thể nhập khẩu hàng triển lãm vào Singapore bằng cách sử dụng phương thức ATA lái xe qua biên giới. Khi đến Singapore, công ty triển lãm phải xuất trình Hải quan đối với xe chở hàng cùng với hàng hoá tại cửa khẩu để kiểm tra và xác nhận. Nếu hàng hoá liệt kê trên xe chở hàng được bán trong nội địa Singapore, phải xin phép trước tại Head, Documentation Branch (Hải quan).

GST phải đóng ở mức 7% giá CIF hoặc giá bán hàng, tuỳ theo giá nào cao hơn. GST có thể được nộp bằng giấy phép thanh toán GST, sử dụng dịch vụ của công ty vận tải nội địa đã đăng ký trong hệ thống TradeNet.

Chương trình tạm nhập

** Sử dụng Công ty Vận tải Nội địa*

Nếu hàng hoá được nhập khẩu theo dạng TIS, dù là hàng xách tay hay hàng ký gửi, giấy phép Hải quan phải nêu rõ việc tạm nhập, thanh toán thuế/GST và tái xuất đối với hàng hoá. Vì lý do này, có thể sử dụng dịch vụ của công ty vận tải nội địa đã đăng ký với Hải quan theo hệ thống TradeNet.

Hàng để triển lãm có thể được nhập trước khi diễn ra triển lãm 3 tuần và phải tái xuất trong vòng 3 tuần sau khi kết thúc triển lãm. Nếu muốn gia hạn thời gian, phải viết đơn (nêu rõ lý do) và gửi đến bộ phận Head, Documentation Branch. Những đề nghị như vậy sẽ được xem xét từng trường hợp một và sẽ được thông qua nếu có lý do thuyết phục.

** Bảo lãnh ngân hàng (BG)/trái khoán bảo hiểm*

Đề tạm nhập các phương tiện giao thông chịu thuế cho mục đích sửa chữa, triển lãm và các mục đích được chấp nhận khác, trị giá bảo lãnh ngân hàng/trái khoán bảo hiểm phải tương đương 30% số tiền thuế và GST dự kiến phải đóng đối với phương tiện nếu nhà nhập khẩu đã đăng ký GST. Nếu nhà nhập khẩu không đăng ký GST, bảo lãnh ngân hàng/trái khoán bảo hiểm sẽ ở mức 50% số tiền thuế và GST phải đóng.

Đề tạm nhập một số hàng hoá lựa chọn nhất định, ví dụ đồ trang sức, đá quý, túi xách, vải, đồ cổ, đồng hồ... nhằm mục đích sửa chữa và các mục đích được chấp nhận khác, bảo lãnh ngân hàng/trái khoán bảo hiểm đối với nhà nhập khẩu đăng ký GST là 50% thuế GST phải nộp. Chỉ nhà nhập khẩu không đăng ký GST mới phải lập bảo lãnh ngân hàng/trái khoán bảo hiểm tương đương 100% số thuế GST phải nộp. Chi tiết danh sách hàng hoá theo yêu cầu tại mục này được đính kèm theo (phụ lục A).

Đề tạm nhập hàng hoá không chịu thuế, trị giá của giấy bảo lãnh/trái khoán bảo hiểm được yêu cầu như sau:

30% trị giá GST phải nộp đối với nhà triển lãm có thực hiện hoạt động bán hàng/đấu giá.

30% trị giá GST phải nộp đối với hàng hoá nhằm mục đích sửa chữa và các mục đích được chấp nhận khác của các công ty chịu thuế.

50% trị giá GST phải nộp đối với hàng hoá nhằm mục đích sửa chữa và các mục đích được chấp nhận khác của các công ty không chịu thuế.

Giấy bảo lãnh ngân hàng/trái khoán bảo hiểm kê trên phải nộp cho Hải quan trước khi giấy phép tạm nhập hải quan được chuyển qua hệ thống TradeNet.

Giấy bảo lãnh ngân hàng/trái khoán bảo hiểm phải được nộp bởi nhà tổ chức triển lãm, nhà triển lãm hoặc đại lý giao nhận, vận tải, khai báo vận tải theo mẫu tại www.gov.sg/customs/efile.html. Giấy bảo lãnh ngân hàng/trái khoán bảo hiểm sẽ còn hiệu lực trong vòng ít nhất 3 tháng kể từ sau khi triển lãm đóng cửa.

Khi nộp Giấy bảo lãnh ngân hàng/trái khoán bảo hiểm đến Cơ quan Đăng ký Chứng khoán, nhà tổ chức, nhà triển lãm hoặc đại lý khai báo/giao nhận vận tải sẽ phải cung cấp ở phần tiêu đề đầu trang: tên, địa điểm và thời gian triển lãm. Người kê khai theo chương trình tạm nhập hải quan là người địa phương có thể khai báo qua hệ thống TradeNet.

Giấy phép nhập khẩu tạm thời sẽ bị từ chối tự động bởi hệ thống TradeNet nếu Giấy báo lãnh/trái khoán bảo hiểm không đủ mức quy định. Người khai báo giấy phép tạm nhập hải quan (và bất kỳ bên nào nộp giấy bảo đảm/trái khoán bảo hiểm đối với hàng nhập khẩu) sẽ phải chịu trách nhiệm đảm bảo thực thi các điều kiện được nêu trong giấy phép, bao gồm việc tái xuất hàng hoá trong thời hạn tạm nhập cho phép.

Người khai báo phải đóng thuế/GST đối với các hàng hoá được liệt kê trong giấy phép tạm nhập nhưng đã được bán, chuyển giao hoặc tiêu uỷ trong nội địa và đối với các hàng hoá không được cấp phép xuất khẩu hải quan. Nếu không đóng thuế/GST đối với các hàng hoá đó, số tiền đó sẽ được lấy từ giấy bảo lãnh/trái khoán bảo hiểm. Giấy bảo lãnh/trái khoán bảo hiểm sẽ được hoàn trả nếu không có doanh thu phát sinh.

** Thư bảo đảm (áp dụng đối với các cơ quan chính phủ và những tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật).*

Giấy bảo lãnh/Trái khoán bảo hiểm nói trên chỉ có thể được miễn nếu tất cả hàng hoá nhập khẩu chỉ dùng cho triển lãm và được tái xuất, không được bán tiêu thụ, chuyển giao hoặc tiêu huỷ trong nội địa.

Thư bảo đảm (LU) phải được cơ quan chính phủ và tổ chức thành lập theo pháp luật gửi ít nhất 1 tháng trước khi nhập hàng. Thư phải được viết theo mẫu có sẵn tại Đơn vị Tạm nhập, Bộ phận Tài liệu (Temporary Import Unit, Documentation Branch).

Mẫu thư bảo đảm đối với việc huỷ bỏ chứng từ được in ở cuối tài liệu này. Trước khi đệ trình thư bảo đảm lên Đơn vị Tạm nhập, cơ quan chính phủ hoặc tổ chức được thành lập theo pháp luật có

liên quan phải cung cấp tên, địa chỉ và thời gian của triển lãm, trị giá lô hàng sẽ nhập và công ty vận tải được chỉ định cho sự kiện. Thư bảo đảm phải được Hải quan chấp nhận mới có giá trị.

Mẫu thư bảo đảm

Date

Director-General
Customs & Excise Department
55 Newton Road
#10-01, Revenue House
Singapore 307987

Dear Sir

LETTER OF UNDERTAKING FOR WAIVER OF SECURITY ON

In consideration of your waiver for the requirement of a banker guarantee as security pursuant to Section 81 of the Goods and Services Tax Act (Cap.117A), on the potential GST payable on the temporary import of the _____

for _____ valued at S\$ _____, _____ hereby undertakes that there will be no local sale of any of these goods imported and will also ensure that all the goods will be re-exported to _____ by _____.

_____ guarantees that Customs will be paid the GST due on any of the goods imported which could not be satisfactorily accounted to have been re-exported.

Yours

Name and Designation

For and on behalf of:

Name of Company/Statutory Board/Govt. Agency

[The signatory shall be a manager, secretary or director in the case of a company]

 Text partially or entire taken from www.customs.gov.sg

** Thông quan hải quan đối với hàng xách tay*

Thông quan tại nơi đến

Nếu hàng dùng để triển lãm được xách tay vào Singapore bằng đường không, đường biển, đường bộ hoặc đường sắt, đại lý khai báo nội địa của nhà triển lãm phải fax một bản copy của giấy phép tạm nhập hải quan đến người tham gia triển lãm. Người tham gia triển lãm có trách nhiệm xuất trình các tài liệu này cùng với hàng hoá với Hải quan để xác nhận và chứng thực tại nơi nhập cảnh.

Nếu không đủ thời gian để làm việc này, đại lý khai báo hải quan nên fax một bản copy giấy phép tạm nhập hải quan lên Officer Commanding (OC) của Hải quan tại nơi hàng đến trước khi người tham dự triển lãm vào Singapore. Đồng thời phải cung cấp tên, thời gian đến, chuyến bay của nhà triển lãm.

Người tham gia triển lãm phải khai báo hàng hoá với Hải quan tại điểm đến và, nếu nhà triển lãm không đem theo bản sao giấy phép tạm nhập, có thể kiểm tra lại với hải quan hoặc đại lý khai báo nội địa của mình, giấy phép nhập khẩu được chấp thuận đối với lô hàng. Số fax của OC tại các điểm nhập cảnh như sau:

Đường không: OC Airport (Changi Airport) – Fax: 065-65423009.

Đường bộ: OC Woodlands (Điểm kiểm tra Woodlands) – Fax: 065-68948957.

Đường sắt: OC Woodlands (Điểm kiểm tra đường sắt Woodlands) – Fax: 065-67675898.

Đường biển: OC Ports (Keppel Road) – Fax: 065-62256076.

Thông quan tại nơi đi

Nếu hàng hoá triển lãm được xách tay khỏi Singapore, đại lý khai báo hải quan nội địa của người tham dự triển lãm phải cung cấp cho người tham dự triển lãm 1 bản copy của giấy phép xuất khẩu hải quan vào thời điểm kết thúc triển lãm. Nhà triển lãm hoặc đại lý khai báo hải quan nội địa phải trình giấy phép xuất khẩu cùng với hàng hoá tại Hải quan để xác nhận và chứng thực tại nơi xuất cảnh.

Chỉ chứng thực của Hải quan Singapore đối với các tài liệu xuất khẩu mới được chấp nhận là bằng chứng của việc xuất khẩu.

Trách nhiệm đảm bảo xuất trình các giấy phép lên Hải quan để chứng thực tại điểm đi thuộc về người khai báo giấy phép tạm nhập hải quan hoặc bên nộp giấy bảo lãnh ngân hàng với Hải quan cho lô hàng liên quan. Nếu người tham dự triển lãm nước ngoài xuất hàng bằng đường không qua sân bay Changi, người tham gia triển lãm hoặc đại lý khai báo hải quan nội địa cần xuất trình giấy phép cùng với hàng hoá để hải quan xác nhận và chứng thực tại 1 trong 2 Quầy Hoàn thuế GST (GST Refund Counter) đặt tại sảnh đi của sân bay chậm nhất 1 giờ trước giờ xuất cảnh.

Quầy hoàn thuế thứ nhất, đặt trước quầy check-in của hãng hàng không, dùng để kiểm tra hải quan đối với hàng hoá ký gửi. Quầy còn lại đặt ở sảnh đi, sau quầy Nhập cảnh, dùng để kiểm tra hải quan đối với đồ xách tay. Đại lý khai báo hải quan nội địa không được tiếp cận Quầy hoàn thuế thứ 2 trừ khi được Cảnh sát Sân bay cấp thẻ cho phép.

** Đóng thuế/GST đối với hàng được bán, chuyển giao hoặc tiêu huỷ nội địa*

Bất kỳ hàng hoá nào được liệt kê trong giấy phép tạm nhập hải quan mà được bán, chuyển giao hoặc tiêu huỷ trong nội địa và bất kỳ hàng hoá nào không được tái xuất theo giấy phép xuất khẩu hải quan đều phải đóng thuế/GST. Trách nhiệm đóng thuế/GST cho hải quan thuộc về người xin giấy phép hoặc bên nộp giấy bảo lãnh ngân hàng đối với hàng nhập khẩu.

Thuế/GST phải nộp cho hải quan trong vòng 14 ngày kể từ ngày kết thúc triển lãm. Nếu không đóng thuế/GST, giấy bảo lãnh ngân hàng sẽ không được hoàn trả. Trong trường hợp này, nhà tổ chức phải đảm bảo rằng tất cả các nhà triển lãm nước ngoài phải được thông báo đầy đủ về việc đóng thuế/GST cho đại lý khai báo hải quan nội địa trước khi rời Singapore.

GST được tính dựa trên giá trị khai báo hoặc giá bán, tùy theo giá nào cao hơn. Nếu hàng chịu thuế được bán, các loại thuế, phí phải được tính kèm khi tính GST. Nhân viên hải quan sẽ tiến hành kiểm tra hàng hoá cũng như tài liệu liên quan việc nhập khẩu và bán hàng tại khu vực triển lãm.

** Danh sách thống nhất các giấy phép*

Để tạo điều kiện giải phóng giấy bảo lãnh sớm sau khi triển lãm, người xin tạm nhập hải quan phải nộp lên Đơn vị Tạm nhập, Bộ phận định giá, Đơn vị Tài liệu (Temporary Import Unit, Appraisal Section, Documentation Branch) bản danh sách tổng hợp theo mẫu tại địa chỉ www.gov.sg/customs/download/annex_b.doc thể hiện các giấy phép nhập khẩu hải quan, giấy phép thanh toán thuế/GST và giấy phép xuất khẩu hải quan đối với hàng hoá triển lãm. Hàng hoá được lưu kho chờ tái xuất là đối tượng kiểm tra hải quan tại nơi lưu kho. Nếu bất kỳ hàng hoá nào không được liệt kê trong danh sách, tiền thuế GST phải đóng sẽ được trích từ giấy bảo lãnh ngân hàng do người khai xin phép tạm nhập hải quan nộp hoặc bên nộp giấy bảo lãnh ngân hàng đối với lô hàng.

Chương trình đặt cọc bảo đảm Hải quan

Nhà triển lãm nước ngoài nhập cảnh bằng đường không đem theo hàng xách tay giá trị cao, ngoại trừ rượu và các sản phẩm thuốc lá, có thể đăng ký tạm nhập hàng hoá theo Chương trình đặt cọc bảo đảm Hải quan bằng thư điện tử. Thủ tục và các điều kiện nộp đơn như sau:

* Đơn xin tạm nhập hàng hoá theo chương trình đặt cọc bảo đảm hải quan qua thư điện tử phải được nộp ít nhất 3 ngày trước khi người nộp đơn cập cảng hàng không Changi của Singapore.

* Lượng tiền bảo chứng phải nộp bằng 5% tổng giá trị lô hàng tính theo giá CIF (giá bán, phí bảo hiểm, phí vận tải) bằng tiền Singapore. Nếu tính bằng ngoại tệ, phải chuyển sang đôla Singapore theo tỷ giá tại thời điểm hàng đến ở Cảng hàng không Changi Singapore.

* Khi đến Cảng hàng không Changi Singapore, người nộp đơn phải trình hải quan kiểm tra hộ chiếu, hàng hoá cùng các hoá đơn, danh sách đóng gói và email trả lời của Hải quan Singapore thể hiện số tiền bảo chứng được nộp.

* Người nộp đơn phải đảm bảo rằng tất cả thông tin khai báo trong đơn xin và các tài liệu kèm theo là chính xác, trung thực và hoàn chỉnh. Nếu khai không chính xác là vi phạm pháp luật.

* Các hoá đơn/phiếu đóng gói sẽ được chứng thực bởi hải quan sau khi kiểm tra lô hàng. Tiền bảo đảm được nộp cho Hải quan sân bay bằng tiền mặt, số lượng tiền phải nộp bằng số thuế GST phải nộp (5% giá CIF). Khi nộp tiền sẽ được nhận hoá đơn. Một bản sao đơn nộp tiền bảo chứng sẽ được gửi cho người có liên quan để hoàn tất các thủ tục còn lại trước khi người đó rời khỏi Singapore. Hàng sau đó sẽ được giải phóng để trưng bày tại triển lãm.

* Người nộp đơn phải đồng ý tái xuất lô hàng bằng đường không qua Cảng hàng không Changi Singapore trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhập khẩu, nếu không sẽ bị trừ thuế GST vào số tiền đã đặt cọc.

* Khi tái xuất, người nộp đơn cần xuất trình hàng hoá và các tài liệu liên quan để kiểm tra hải quan tại Quay Hoàn thuế GST nằm ở Sân Đi tại sân bay ít nhất 1 giờ trước khi người đó rời Singapore nhằm tạo thuận lợi cho việc thông quan. Các tài liệu được trình để kiểm tra cần bao gồm: mẫu nộp tiền đặt cọc, bản gốc các hoá đơn/phiếu đóng gói được hải quan chứng thực khi hàng đến và các hoá đơn bán hàng trong thời gian trưng bày tại Singapore (nếu có).

* Các hàng hoá được bán hoặc huỷ phải được thể hiện trong đơn nộp tiền đặt cọc và đánh dấu rõ ràng trong các hoá đơn/phiếu đóng gói.

* Thuế GST đối với hàng được bán hoặc không kiểm kê được sẽ được trừ từ số tiền bảo chứng đã nộp và số dư còn lại sẽ được trả cho người nộp bằng TT hoặc hối phiếu ngân hàng, tới địa chỉ người nhận.

d) Nhập khẩu đối với hàng quá cảnh

1. Phải có Giấy phép của Hải quan hoặc Liên ngành Hải quan/IE Singapore đối với hàng quá cảnh hoặc di chuyển giữa các cửa khẩu.

2. Container phải được chuyển qua điểm kiểm tra hải quan số 1 và số 2 để thông quan.

3. Container sẽ được gắn xi tại điểm kiểm tra số 1 và tài xế sẽ được cấp “Thông báo cho nhà nhập khẩu/người chuyên chở”.

Container và thông báo sẽ phải trình lên hải quan tại điểm kiểm tra số 2 để thông quan.

e) Nhập khẩu qua đường bưu điện

Hàng gửi qua bưu điện thông quan ở đâu?

Tất cả các kiện hàng gửi qua bưu điện đều phải thông quan hải quan tại Trung tâm Bưu điện Singapore (SPC). Văn phòng Trung tâm nằm tại #01-39, 10 Eunos Road 8, Singapore 408600.

Nếu bưu kiện chứa hàng chịu thuế thì như thế nào?

Hàng chịu thuế bao gồm các đồ uống có cồn và các sản phẩm thuốc lá.

Bưu kiện sẽ bị Hải quan giữ lại tại SPC. Bưu kiện sẽ được giải phóng sau khi kiểm tra với sự có mặt của người nhận hoặc đại diện của họ, và sau khi đóng thuế và GST. Phí thông quan là 2 SGD.

Nếu bưu kiện chứa hàng không chịu thuế thì như thế nào?

Nếu bưu kiện chứa hàng có giá trị không vượt quá 400 SGD, hàng có thể được miễn thuế GST và được gửi đến địa chỉ của người nhận.

Nếu bưu kiện có tổng giá trị vượt quá 400 SGD thì như thế nào?

Khi đó bưu kiện sẽ phải tính thuế GST.

Số thuế GST phải nộp được tính dựa trên các hoá đơn liên quan.

Nếu hoá đơn được gửi kèm bưu kiện, GST sẽ được nộp khi bưu kiện được giao đến nơi.

Nếu hoá đơn không gửi kèm bưu kiện, người nhận sẽ phải trình hoá đơn của nhà cung cấp lên SPC và đóng GST tại đây. Sau đó bưu kiện sẽ được giải phóng.

Nếu bưu kiện chứa hàng thuộc diện kiểm soát thì như thế nào?

Việc thông quan đối với hàng hoá thuộc diện kiểm soát cần phải có sự chấp thuận của Cơ quan Kiểm soát (CA) có liên quan.

Nếu bưu kiện chứa hàng thuộc diện kiểm soát nhưng có giá trị không vượt quá 400 SGD, hàng sẽ được miễn GST. Sau khi được Cơ quan Kiểm soát chấp thuận, người nhận sẽ được nhận chứng thư để nhận bưu kiện.

Nếu tổng giá trị bưu kiện vượt quá 400 SGD, số GST phải nộp sẽ được tính dựa trên các hoá đơn tương ứng.

Các bưu kiện cần phải có sự chấp thuận của CA sẽ được giữ lại. Người nhận sẽ được thông báo để xin giấy phép nhập khẩu từ CA liên quan. Hàng sẽ được giải phóng sau khi người nhận trình giấy phép nhập khẩu và đóng GST.

Danh sách hàng nhập khẩu thuộc diện kiểm soát

TÊN HÀNG	CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
1) Máy giải trí, được vận hành bằng xu hoặc đĩa, bao gồm bàn để chơi trò bắn đạn, đồ bắn cung và máy chiếu phim	- Đơn vị Cấp phép Giải trí Công cộng (PELU)
2) Động vật, chim và các sản phẩm từ động vật, chim	- Cơ quan Nông sản và Thú y (AVA)
3) Vũ khí và chất nổ	- Đơn vị Cấp phép Vũ khí và Chất nổ (A&E)
4) Hàng chứa Amiăng	- Cơ quan Kiểm soát Ô nhiễm (PCD)
5) Đồ may mặc dùng để bảo hộ, bao gồm cả áo chống đạn	- Đơn vị Cấp phép Vũ khí và Chất nổ (A&E)
6) Pin (nguyên gốc), kiềm, các bon thiếc và ô xít thuỷ ngân	- Cơ quan Kiểm soát Ô nhiễm (PCD)
7) Đầu máy quay/băng cát xét/đĩa ghi âm – đĩa ghi sẵn	- Cơ quan Phát triển Truyền thông
8) Các hoá chất:	
a) Chất độc và nguy hiểm	- Cơ quan Kiểm soát Ô nhiễm (PCD)
b) Chất độc và tiền chất	- Cơ quan Quốc gia, Hiệp ước về Vũ khí Hoá học (NA, CWC)
c) Thuốc trừ sâu	- Cơ quan Kiểm soát Ô nhiễm (PCD)
9) a) Kẹo cao su	- Cẩm, Hải quan Singapore
b) Kẹo cao su (miệng răng)	- Đơn vị Kiểm soát Mỹ phẩm (CCU)

c) Kẹo cao su (dùng làm thuốc)	- Đơn vị Hỗ trợ Điều phối (RSU)
10) Chlorofluorocarbons (CFCs)	- Cơ quan Kiểm soát Ô nhiễm (PCD)
11) Bột lửa châm thuốc – dạng súng ngắn/súng ổ quay	- Cấm nhập, Đơn vị Cấp phép Chất nổ và Vũ khí, (A&E)
12) Mỹ phẩm và các sản phẩm mỹ phẩm (trừ nước, kem chứa thuốc chăm sóc da và mặt là những sản phẩm được kiểm soát bởi RSU)	- Đơn vị Kiểm soát Mỹ phẩm (CCU)
13) Dầu diesel/nhiên liệu	- Cơ quan Kiểm soát Ô nhiễm (PCD)
14) a) Kim cương thô từ Bờ Biển Ngà	- Cấm nhập, Hải quan Singapore.
b) Kim cương thô (KPCS)	- Hải quan Singapore
15) Phim, đĩa/băng chiếu phim tại rạp	- Cơ quan Phát triển Truyền thông (MDA)
16) Pháo nổ	- Cấm nhập, Đơn vị Cấp phép Chất nổ và Vũ khí, (A&E)
17) Cá và các sản phẩm từ cá (bao gồm vây cá, tôm cua và loài nhuyễn thể)	- Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA)
18) Các chất dễ cháy	- Lực lượng Phòng vệ Dân sự Singapore (SCDF)
19) Thực phẩm (trừ cá/rau và hoa quả đông lạnh)	- Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA)
20) Hoa quả (tươi/đông lạnh)	- Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA)
21) Máy đánh bạc	- Đơn vị Cấp phép Cảnh sát Singapore (SPF)

- | | |
|---|---|
| 22) Rễ nhân sâm | - Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA) |
| 23) Bản ghi đĩa hát | - Cơ quan Phát triển Truyền thông (MDA) |
| 24) Còng tay | - Đơn vị Cấp phép Chất nổ và Vũ khí, (A&E) |
| 25) Halons | - Cơ quan Kiểm soát Ô nhiễm (PCD) |
| 26) Thuốc nhuộm tóc & các chế phẩm chăm sóc tóc | |
| a) Có chất độc | - Đơn vị Hỗ trợ Điều phối (RSU) |
| b) Không có chất độc | - Đơn vị Kiểm soát Mỹ phẩm (CCU) |
| 27) Mũ bảo hiểm: | |
| a) An toàn công nghiệp | - Đơn vị An toàn và Sức khoẻ Nghề nghiệp (OSHD) |
| b) Thép | - Đơn vị Cấp phép Chất nổ và Vũ khí, (A&E) |
| 28) Các tác nhân gây bệnh cho người | - Chi nhánh An toàn Sinh học (BSB) |
| 29) Các hàng hoá an toàn công nghiệp: | |
| a) Dây đai | } Đơn vị An toàn và Sức khoẻ Nghề nghiệp |
| b) Dây treo | } (OSHD) |
| c) Dây bảo vệ | } |
| d) Dàn an toàn | } |
| e) Lưới | } |

- | | |
|--|--|
| 30) Máy chiếu xạ | - Trung tâm Bảo vệ Phóng xạ (CRP) |
| 31) Trang thiết bị chính hoặc trang thiết bị thay thế một trong các loại hàng hoá sau: | |
| a) CD | } Hải quan Singapore |
| b) CD-ROM | } |
| c) VCD | } |
| d) DVD | } |
| e) DVD-ROM | } |
| 32) Thịt và các sản phẩm từ thịt động vật và chim | - Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA) |
| 33) Thuốc/dược phẩm | - Đơn vị Hỗ trợ Điều phối (RSU) |
| 34) Dược phẩm, thú y | - Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA) |
| 35) Bột sữa – váng (đánh dấu màu để nuôi động vật)
Sữa tươi/váng/dược tiết trùng từ bán đảo Malaysia/Sabah/Sarawak, liên hệ với AVA để chứng nhận | - Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA) |
| 36) Thuốc nổ | - Đơn vị Cấp phép Chất nổ và Vũ khí, (A&E) |
| 37) Thuốc trừ sâu nguồn gốc sinh học | - Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA) |
| 38) Dầu hoả | - Lực lượng Phòng vệ Dân sự Singapore (SCDF) |

- | | |
|--|--|
| 39) Cây có/không có đất, hoa và hạt | - Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA) |
| 40) Hạt cây anh túc (kaskas) | - Cơ quan Ma túy Trung ương (CNB) |
| 41) Tiền chất hoá học | - Cơ quan Ma túy Trung ương (CNB) |
| 42) Ăn phẩm | - Cơ quan Phát triển Truyền thông (MDA) |
| 43) Nguyên liệu phát xạ | - Trung tâm Bảo hộ Phóng xạ (CRP) |
| 44) Sừng Tê giác, đã chế tác, chưa chế tác hoặc đã chế tác và chuẩn bị và bột sừng tê giác | - Cấm nhập, Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA) |
| 45) Gạo (trừ cám gạo) | - IE Singapore |
| 46) Các chất hoạt động bề mặt, Ion âm
Surface-active agents, anionic | - Cơ quan Kiểm soát Ô nhiễm (PCD) |
| 47) Bộ đồ ăn và dụng cụ nấu nướng:
Tableware and kitchenware of : | - |
| a) bằng sứ | } Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA) |
| b) pha lê chì | } |
| 48) Băng, đĩa đã ghi | - Cơ quan Phát triển Truyền thông (MDA) |
| 49) Thiết bị viễn thông: | |

- | | |
|--|---|
| <p>a) Thiết bị sóng viễn thông, ví dụ: máy vô tuyến xách tay. Thiết bị sóng viễn thông (trừ điện thoại di động hoặc các thiết bị được cấp phép bởi IDA) sẽ bị cấm nhập nếu hoạt động trên dải tần GSM 890 – 915, 935-960 MHz, ví dụ tai nghe không dây, micro.</p> | <p>} Cơ quan Phát triển Thông tin và Truyền thông Singapore (IDA)</p> |
| <p>b) Thiết bị viễn thông sử dụng đường dây, ví dụ: máy điện thoại để bàn</p> | <p>}</p> |
| <p>c) Máy thu thanh với lựa chọn kết nối, ví dụ: bộ khuếch đại hoặc tinh chỉnh sóng.</p> | <p>}</p> |
| <p>50) Gỗ (liệt kê trong Công ước về Thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp)</p> | <p>- Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA)</p> |
| <p>51) Súng đồ chơi</p> | <p>- Đơn vị Cấp phép Vũ khí và Chất nổ (A&E)</p> |
| <p>52) Đồ chơi thu phát vô tuyến xách tay</p> | <p>- Cơ quan Phát triển Thông tin và Truyền thông Singapore (IDA)</p> |
| <p>53) Rau (tươi/đông lạnh)</p> | <p>- Cơ quan Nông phẩm và Thú y (AVA)</p> |
| <p>54) Pin thải chứa axit chì và pin thải làm bằng chì, cadmium hoặc thủy ngân</p> | <p>- Cơ quan Kiểm soát Ô nhiễm (PCD)</p> |

**55) Nhập khẩu và Hàng hoá quá cảnh đến Cộng
hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (Bắc Triều
Tiên)**

- (i) Bất kể loại hàng nào dưới đây: } Cấm, Hải quan
 - (a) Xe tăng; } Singapore
 - (b) Xe chiến đấu bọc giáp; }
 - (c) Các hệ thống pháo cỡ nòng lớn; }
 - (d) Máy bay chiến đấu; }
 - (e) Trực thăng chiến đấu; }
 - (f) Tàu chiến; }
 - (g) Tên lửa hoặc hệ thống tên lửa. }
- (ii) Nguyên liệu liên quan, bao gồm các phần tháo }
dời của bất kỳ loại hàng nào trong mục (i); và }
}
- (iii) Hàng, nguyên liệu, trang thiết bị, hàng hoá và }
công nghệ liên quan đến các chương trình hạt }
nhân, các chương trình tên lửa đạn đạo và các vũ }
khí khác trong các chương trình vũ khí huỷ diệt }
hàng loạt được liệt kê trong các tài liệu }
S/2006/814, S/2006/815 và S/2006/853 của Hội }
đồng Bảo an Liên hợp quốc và các văn bản cập }
nhật, bổ sung tại trang web của Liên hợp quốc: }
<http://www.un.org/>. }

56) a) Nhập khẩu hoặc hàng hoá quá cảnh đi Iran

Hàng hoá, nguyên liệu, trang thiết bị và công nghệ liên quan đến các chương trình hạt nhân, các chương trình tên lửa đạn đạo và các chương trình vũ khí huỷ diệt hàng loạt được liệt kê trong các tài liệu S/2006/814 và S/2006/815 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các văn bản cập nhật, bổ sung tại trang web của Liên hợp quốc:

<http://www.un.org/>.

} Cấm, Hải quan
} Singapore
}
}
}
}
}
}
}
}
}
}

b) Nhập khẩu từ Iran

Hàng quân sự và nguyên liệu liên quan

-

Cấm, Hải quan
Singapore

Danh sách hàng chịu thuế

Mã HS (2007)			Mô tả mặt hàng	Mức thuế	
				Thuế hải quan	Thuế tiêu thụ đặc biệt
2106			Các chế phẩm thực phẩm	Không	\$70.00 mỗi lít còn
2106	90		- Loại khác		
			- - Các chế phẩm có chứa cồn được sử dụng để chế biến hoặc sản xuất đồ uống		

			--Chế phẩm được sử dụng làm nguyên liệu thô để sản xuất chất cô đặc tổng hợp		
2106	90	61	---- Loại sử dụng để sản xuất đồ uống có cồn, dạng lỏng	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2106	90	62	---- Loại sử dụng để sản xuất đồ uống có cồn, dạng khác	Không	\$90.00 mỗi kgm
			--- Chất cô đặc tổng hợp dùng để pha đơn giản với nước làm đồ uống		
2106	90	64	---- Loại sử dụng để sản xuất đồ uống có cồn, dạng lỏng	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2106	90	65	---- Loại sử dụng để sản xuất đồ uống có cồn, dạng khác	Không	\$90.00 mỗi kgm
2203			Bia sản xuất từ malt		
2203	00	10	- Bia đen hoặc bia nâu	\$16.00 mỗi lít cồn	\$48.00 mỗi lít cồn
2203	00	90	- Loại khác, kể cả bia ale	\$16.00 mỗi lít cồn	\$48.00 mỗi lít cồn
2204			Rượu vang làm từ nho tươi, kể cả rượu vang cao độ;		
2204	10	00	- Rượu vang có ga nhẹ	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
			- Rượu vang khác; hèm nho đã pha cồn để ngăn ngừa hoặc cản sự lên men của rượu:	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2204	21		-- Loại trong đồ đựng không quá 2 lít:		
			--- Rượu vang:		
2204	21	11	---- Có nồng độ tính theo thể tích không quá 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2204	21	12	---- Có nồng độ tính theo thể tích trên 15 %	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
			--- Hèm nho đã pha cồn để ngăn ngừa hoặc cản sự lên men của rượu:		
2204	21	21	---- Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%.	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2204	21	22	---- Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%.	Không	\$70.00 mỗi lít cồn

2204	29		- - Loại khác	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
			- - - Rượu vang:		
		11	- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
		12	- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
			- - - Hèm nho đã pha cồn để ngăn ngừa hoặc cản sự lên men của rượu:		
2204	29	21	- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2204	29	22	- - - - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2204	30		- Hèm nho khác:		
2204	30	10	- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2204	30	20	- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2205			Rượu Vermouth và rượu vang khác làm từ nho tươi đã pha thêm hương vị từ thảo mộc hoặc chất thơm		
2205	10		- Loại trong đồ đựng không quá 2 lít:		
2205	10	10	- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2205	10	20	- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2205	90		- Loại khác:		
2205	90	10	- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2205	90	20	- - Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 15%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2206			Đồ uống đã lên men khác (ví dụ, vang táo, vang lê, vang mật ong); hỗn hợp của đồ uống đã lên men và hỗn hợp của đồ uống đã lên men với đồ uống không chứa cồn		

2206	00	10	- Vang táo hoặc vang lê	Không	\$48.00 mỗi lít cồn
2206	00	20	- Rượu Sake (rượu gạo)	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2206	00	30	- Toddy	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2206	00	40	- Shandy	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2206	00	90	- Rượu mật ong và đồ uống lên men và hỗn hợp đồ uống lên men và đồ uống không có cồn khác	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2207			Cồn Ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn tính theo thể tích từ 80% trở lên; cồn ê-ti-lích và rượu mạnh khác, đã biến tính, ở mọi nồng độ		
2207	10	00	- Cồn ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn tính theo thể tích từ 80% trở lên	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208			Cồn Ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn dưới 80% tính theo thể tích; rượu mạnh, rượu mùi và đồ uống có rượu khác		
2208	20		- Rượu mạnh thu được từ cất rượu vang nho hoặc rượu bã nho:		
2208	20	10	-- Brandi, có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	20	20	-- Brandi, có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	20	30	-- Các loại rượu mạnh khác được chưng cất từ rượu nho hoặc bã nho, có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	20	40	-- Các loại rượu mạnh khác được chưng cất từ rượu nho hoặc bã nho, có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	30		- Rượu whisky		
2208	30	10	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	30	20	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	40		- Rượu rum và rượu mạnh khác được cất từ mật mía		

2208	40	10	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	40	20	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	50		- Rượu gin và rượu Geneva		
2208	50	10	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	50	20	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	60		- Rượu vodka		
2208	60	10	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	60	20	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	70		- Rượu mùi và rượu bổ		
2208	70	10	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích không quá 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	70	20	-- Có nồng độ cồn tính theo thể tích trên 46%	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	90		- Loại khác		
2208	90	10	-- Rượu bổ sam-su có nồng độ cồn không quá 40% tính theo thể tích	\$8.00 mỗi lít cồn	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	90	20	-- Rượu bổ sam-su có nồng độ cồn trên 40% tính theo thể tích	\$8.00 mỗi lít cồn	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	90	30	-- Rượu sam-su khác có nồng độ cồn không quá 40% tính theo thể tích	\$8.00 mỗi lít cồn	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	90	40	-- Rượu sam-su khác có nồng độ cồn trên 40% tính theo thể tích	\$8.00 mỗi lít cồn	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	90	50	-- Rượu Arrack & rượu Dừa có nồng độ cồn không quá 40% tính theo thể tích	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	90	60	-- Rượu Arrack & rượu Dừa có nồng độ cồn trên 40% tính theo thể tích	Không	\$70.00 mỗi lít cồn

2208	90	70	-- Rượu đắng và các loại đồ uống tương tự có nồng độ cồn không quá 57% tính theo thể tích	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	90	80	-- Rượu đắng và các loại đồ uống tương tự có nồng độ cồn trên 57% tính theo thể tích	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2208	90	90	-- Loại khác	Không	\$70.00 mỗi lít cồn
2401			Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá		
2401	10		- Lá thuốc lá chưa tước cọng:		
2401	10	10	-- Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	10	20	-- Loại Virginia, chưa sấy bằng không khí nóng	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	10	30	-- Loại khác, đã sấy bằng không khí nóng	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	10	90	-- Loại khác, chưa sấy bằng không khí nóng	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	20		- Lá thuốc lá, đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ:		
2401	20	10	-- Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	20	20	-- Loại Virginia, chưa sấy bằng không khí nóng	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	20	30	-- Loại Oriental	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	20	40	-- Loại Burley	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	20	50	-- Loại khác, đã sấy bằng không khí nóng	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	20	90	-- Loại khác	Không	\$300.00 mỗi kgm
2401	30		- Phế liệu lá thuốc lá		
2401	30	10	-- Cọng thuốc lá	Không	\$300.00 mỗi kgm

2401	30	90	- - Loại khác	Không	\$300.00 mỗi kgm
2402			Xì gà, xì gà xén hai đầu, xì gà nhỏ và thuốc lá điếu, từ lá thuốc lá hoặc từ các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá.		
2402	10	00	- Xì gà, xì gà xén hai đầu và xì gà nhỏ, có chứa lá thuốc lá	Không	\$352.00 mỗi kgm
2402	20		- Thuốc lá điếu có chứa lá thuốc lá:		
2402	20	10	- - Thuốc lá Beedies	Không	\$181.00 mỗi kgm
2402	20	90	- - Loại khác	Không	35.2 cents mỗi gram hoặc mỗi điếu thuốc
2402	90		- Loại khác:		
2402	90	10	- - Xì gà, xì gà xén hai đầu và xì gà nhỏ làm từ các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá	Không	\$352.00 mỗi kgm
2402	90	20	- - Thuốc lá điếu làm từ các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá	Không	35.2 cents mỗi gram hoặc mỗi điếu thuốc
2403			Lá thuốc lá đã chế biến và các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến khác; thuốc lá "thuần nhất" hoặc thuốc lá "hoàn nguyên"; chiết xuất và tinh chất lá thuốc lá.		
2403	10	11	- Thuốc lá trộn, đóng gói để bán lẻ	Không	\$352.00 mỗi kgm
2403	10	19	- Các loại thuốc lá hút khác, đóng gói để bán lẻ	Không	\$352.00 mỗi kgm
2403	10	21	- Thuốc lá trộn dùng để làm thuốc điếu	Không	\$300.00 mỗi kgm
2403	10	29	- Các loại thuốc lá hút khác, dùng để làm thuốc lá điếu	Không	\$300.00 mỗi kgm
2403	10	90	- Thuốc lá hút khác	Không	\$352.00 mỗi kgm
2403	91	00	- Thuốc lá "thuần nhất" hoặc "hoàn nguyên" (thuốc lá tẩm):	Không	\$352.00 mỗi kgm

2403	99		- Loại khác:		
2403	99	30	- - Nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến	Không	\$352.00 mỗi kgm
2403	99	40	- - Thuốc lá bột để hít, khô hoặc không khô.	Không	\$352.00 mỗi kgm
2403	99	50	- - Thuốc lá dạng hút và dạng nhai	Không	\$181.00 mỗi kgm
2403	99	60	- - Thuốc lá Ang Hoon	Không	\$181.00 mỗi kgm
2403	99	90	- - Loại khác	Không	\$352.00 mỗi kgm
2710			Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải.		
2710	11	11	- Nhiên liệu xe hơi, loại cao cấp (premium), có pha chì	Không	\$7.10 mỗi đề-can lít
2710	11	12	- Nhiên liệu xe hơi, loại cao cấp, không pha chì	Không	\$4.40 mỗi đề-can lít
2710	11	13	- Nhiên liệu xe hơi, loại thông thường (regular), có pha chì	Không	\$6.30 mỗi đề-can lít
2710	11	14	- Nhiên liệu xe hơi, loại thông thường, không pha chì	Không	\$3.70 mỗi đề-can lít
2710	11	15	- Các loại nhiên liệu xe hơi khác, có pha chì	Không	\$6.80 mỗi đề-can lít
2710	11	16	- Các loại nhiên liệu xe hơi khác, không pha chì	Không	\$4.10 mỗi đề-can lít
3302			Hỗn hợp các chất thơm và các hỗn hợp (kể cả dung dịch có cồn) với thành phần chủ yếu gồm một hoặc nhiều các chất thơm này, dùng làm nguyên liệu thô trong công nghiệp; các chế phẩm khác làm từ các chất thơm, dùng cho sản xuất đồ uống.		
3302	10		- Loại dùng trong công nghiệp thực phẩm hoặc đồ uống:		
3302	10	10	- - Chế phẩm rượu thơm, loại dùng để sản xuất đồ uống có cồn, ở dạng lỏng	Không	\$70.00 mỗi lít cồn

3302	10	20	- - Chế phẩm rượu thơm, loại dùng để sản xuất đồ uống có cồn, ở dạng khác	Không	\$90.00 mỗi kgm
8703			Ô tô và các loại xe khác có động cơ được thiết kế chủ yếu để chở người, kể cả xe chở người có khoang hành lý chung (station wagons) và ô tô đua.		
8703	10		- Xe được thiết kế đặc biệt để đi trên tuyết; xe ô tô chơi gôn (golf car) và các loại xe tương tự:		
8703	10	10	- - Xe ô tô chơi gôn, kể cả xe phục vụ sân gôn (golf buggies)	Không	20%
8703	10	90	- - Loại khác	Không	20%
			- Xe khác, loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện:		
8703	21		- - Loại dung tích xi lanh không quá 1.000 cc		
8703	21	10	- - - Xe ô tô đua nhỏ.	Không	20%
			- - - Ô tô (kể cả xe chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons), SUVs và xe thể thao, nhưng không kể xe van):		
8703	21	21	- - - - Dạng CKD.	Không	20%
8703	21	29	- - - - Loại khác	Không	20%
8703	21	30	- - - Các loại phương tiện khác, dạng CKD.	Không	20%
8703	21	90	- - - Các loại phương tiện khác, dạng CBU/dạng khác.	Không	20%
8703	22		- - Loại dung tích xi lanh trên 1.000 cc nhưng không quá 1.500 cc, chở từ 9 người trở xuống bao gồm cả tài xế:		
8703	22	11	- - - Dạng CKD.	Không	20%
8703	22	19	- - - Dạng CBU/dạng khác.	Không	20%
8703	22	20	- - - Phương tiện khác, dạng CKD.	Không	20%
8703	22	90	- - - Phương tiện khác, dạng CBU/dạng khác.	Không	20%
8703	23		- - Dung tích xi lanh trên 1.500 cc nhưng không quá 3.000 cc, chở từ 9 người trở xuống bao gồm cả tài xế:		
8703	23	10	- - - Xe cứu thương	Không	20%
8703	23	20	- - - Xe tang lễ	Không	20%

8703	23	30	--- Xe chở phạm nhân	Không	20%
			--- Ô tô, dạng CKD		
8703	23	41	---- Từ 1500cc đến 1800cc.	Không	20%
8703	23	42	---- Từ 1800cc đến 2000cc.	Không	20%
8703	23	43	---- Từ 2000cc đến 2500cc,.	Không	20%
8703	23	44	---- Từ 2500cc đến 3000cc.	Không	20%
			--- Ô tô, dạng CBU/dạng khác		
8703	23	51	---- Từ 1500cc đến 1800cc.	Không	20%
8703		52	---- Từ 1800cc đến 2000cc.	Không	20%
8703		53	---- Từ 2000cc đến 2500cc	Không	20%
8703		54	---- Từ 2500cc đến 3000cc	Không	20%
			--- Các phương tiện khác, dạng CKD:		
8703	23	61	---- Từ 1500cc đến 1800cc.	Không	20%
8703	23	62	---- Từ 1800cc đến 2000cc	Không	20%
8703	23	63	---- Từ 2000cc đến 2500cc.	Không	20%
8703	23	64	---- Từ 2500cc đến 3000cc.	Không	20%
			--- Các phương tiện khác, dạng CBU/dạng khác		
8703	21	91	---- Từ 1500cc đến 1800cc.	Không	20%
8703	23	92	---- Từ 1800cc đến 2000cc.	Không	20%
8703	23	93	---- Từ 2000cc đến 2500cc.	Không	20%
8703	23	94	---- Từ 2500cc đến 3000cc	Không	20%
8703	24		-- Dung tích xi lanh trên 3.000 cc:		
8703	24	10	--- Xe cứu thương.	Không	20%
8703	24	20	--- Xe tang lễ	Không	20%

8703	24	30	--- Xe chở phạm nhân	Không	20%
8703	24	40	--- Ô tô, dạng CKD	Không	20%
8703	24	40	--- Ô tô, dạng CBU/dạng khác	Không	20%
8703	24	60	--- Các phương tiện khác, CKD	Không	20%
8703	24	90	---- Các phương tiện khác, CBU/dạng khác.	Không	20%
			- Xe ô tô khác, loại có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel):		
8703	31		-- Dung tích xi lanh không quá 1.500 cc:		
8703	31	10	--- Ô tô (kể cả xe chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons), SUVs và xe thể thao, nhưng không kể xe van), dạng CKD	Không	20%
8703	31	20	--- Ô tô (kể cả xe chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons), SUVs và xe thể thao, nhưng không kể xe van), loại khác	Không	20%
8703	31	30	--- Các phương tiện khác, CKD	Không	20%
8703	31	90	--- Các phương tiện khác, CBU/dạng khác	Không	20%
8703	32		-- Dung tích xi lanh trên 1.500 cc nhưng không quá 2.500 cc:		
8703	32	10	--- Xe cứu thương	Không	20%
8703	32	20	--- Xe tang lễ	Không	20%
8703	32	30	--- Xe chở phạm nhân	Không	20%
			--- Ô tô (kể cả xe chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons), SUVs và xe thể thao, nhưng không kể xe van), dạng CKD:		
8703	32	41	---- Từ 1500cc đến 2000cc	Không	20%
8703	32	49	---- Từ 2000cc đến 2500cc	Không	20%
			--- Ô tô (kể cả xe chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons), SUVs và xe thể thao, nhưng không kể xe van), loại khác:		
8703	32	51	---- Từ 1500cc đến 2000cc	Không	20%
8703	32	59	---- Từ 2000cc đến 2500cc	Không	20%
8703	32	61	--- Phương tiện khác, CKD, từ 1500cc đến 2000cc	Không	20%

8703	32	69	--- Phương tiện khác, CKD, từ 2000cc đến 2500cc	Không	20%
8703	32	91	--- Phương tiện khác, CBU/dạng khác, từ 1500cc đến 2000cc	Không	20%
8703	32	99	--- Phương tiện khác, CBU/dạng khác, từ 2000cc đến 2500cc	Không	20%
8703	33		-- Loại dung tích xi lanh trên 2.500 cc:		
8703	33	10	--- Xe cứu thương	Không	20%
8703	33	20	--- Xe tang lễ	Không	20%
8703	33	30	--- Xe chở phạm nhân	Không	20%
			--- Ô tô (kể cả xe chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons), SUVs và xe thể thao, nhưng không kể xe van), dạng CKD:		
8703	33	41	---- Từ 2500cc đến 3000cc	Không	20%
8703	33	42	---- Trên 3000cc	Không	20%
			--- Ô tô (kể cả xe chở người có khoang chở hành lý chung (station wagons), SUVs và xe thể thao, nhưng không kể xe van), loại khác:		
8703	33	51	---- Từ 2500cc đến 3000cc	Không	20%
8703	33	52	---- Trên 3000cc	Không	20%
8703	33	60	--- Phương tiện khác, CKD	Không	20%
87033	33	90	--- Phương tiện khác, CBU/dạng khác	Không	20%
			- Loại khác:		
			-- Xe không sử dụng động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén hoặc bằng tia lửa điện:		
8703	90	10	--- Xe cứu thương	Không	20%
8703	90	20	--- Xe tang lễ	Không	20%
8703	90	30	--- Xe chở phạm nhân	Không	20%
8703	90	41	--- Ô tô, CKD, từ 1800cc trở xuống	Không	20%
8703	90	42	--- Ô tô, CKD, từ 1800cc đến 2000cc	Không	20%
8703	90	43	--- Ô tô, CKD, từ 2000cc đến 2500cc	Không	20%

8703	90	44	--- Ô tô, CKD, trên 2500cc	Không	20%
8703	90	51	--- Ô tô, CBU/dạng khác, từ 1800cc trở xuống	Không	20%
8703	90	52	--- Ô tô, CBU/dạng khác, từ 1800cc đến 2000cc	Không	20%
8703	90	53	--- Ô tô, CBU/dạng khác, từ 2000cc đến 2500cc	Không	20%
8703	90	54	--- Ô tô, CBU/dạng khác, trên 2500cc	Không	20%
8703	90	60	--- Phương tiện khác, CKD	Không	20%
8703	90	90	--- Phương tiện khác, CBU/dạng khác	Không	20%
8706			Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05.		
8706	00	30	- Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03	Không	20%
8707			Thân xe (kể cả ca-bin), dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05.		
8707	10	00	- Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03	Không	20%
8711			Mô tô (kể cả xe gắn máy có bàn đạp (moped)) và xe đạp có gắn động cơ phụ trợ, có hoặc không có thùng xe bên cạnh; mô tô thùng.		
8711	10		- Có động cơ đốt trong kiểu piston với dung tích xi lanh không quá 50 cc:		
8711	10	11	-- Dạng CKD	Không	12%
8711	10	19	-- Các loại xe hai bánh khác, dạng CKD	Không	12%
8711	10	91	-- Mô tô, dạng CBU/dạng khác	Không	12%
8711	10	99	-- Các loại xe 2 bánh khác, CBU/dạng khác	Không	12%
8711	20		- Có động cơ đốt trong kiểu piston với dung tích xi lanh trên 50 cc nhưng không quá 250 cc:		
8711	20	10	-- Xe mô tô địa hình	Không	12%
			-- Xe gắn máy có bàn đạp (moped) và xe đạp có động cơ		
8711	20	21	--- Trên 50cc nhưng không quá 125cc	Không	12%

8711	20	22	- - - Trên 125cc nhưng không quá 150cc	Không	12%
8711	20	23	- - - Trên 150cc nhưng không quá 200cc	Không	12%
8711	20	24	- - - Trên 200cc nhưng không quá 250cc	Không	12%
8711	20	30	- - Mô tô (có hoặc không có thùng xe bên cạnh), bao gồm cả xe scooter loại khác, dạng CKD	Không	12%
8711	20	40	- - Mô tô (có hoặc không có thùng xe bên cạnh), bao gồm cả xe scooter loại khác, dạng CBU/dạng khác:		
8711	20	41	- - - Trên 50cc nhưng không quá 125cc	Không	12%
8711	20	42	- - - Trên 125cc nhưng không quá 150cc	Không	12%
8711	20	43	- - - Trên 150cc nhưng không quá 200cc	Không	12%
8711	20	44	- - - Trên 200cc nhưng không quá 250cc	Không	12%
8711	20	90	- - Các loại xe hai bánh khác, CBU/dạng khác	Không	12%
8711	30		- Có động cơ đốt trong kiểu piston với dung tích xi lanh trên 250 cc nhưng không quá 500 cc:		
8711	30	10	- - Xe mô tô địa hình	Không	12%
8711	30	20	- - Các loại phương tiện ba bánh hạng nhẹ, trên 250cc nhưng không quá 356cc và tải trọng không quá 350kg	Không	12%
8711	30	30	- - Các loại phương tiện hai bánh khác, CKD	Không	12%
8711	30	90	- - Các loại phương tiện hai bánh khác, CBU/dạng khác	Không	12%
8711	40		- Có động cơ đốt trong kiểu piston với dung tích xi lanh trên 500 cc nhưng không quá 800 cc:		
8711	40	10	- - Xe mô tô địa hình	Không	12%
8711	40	20	- - Loại khác, dạng CKD	Không	12%
8711	40	90	- - Các loại xe hai bánh khác, CBU/dạng khác	Không	12%
8711	50		- Có động cơ đốt trong kiểu piston với dung tích xi lanh trên 800 cc:		
8711	50	20	- - Dạng CKD	Không	12%
8711	50	90	- - Loại khác	Không	12%

8711	90		- Loại khác:		
8711	90	50	-- Loại khác, dạng CKD	Không	12%
8711	90	90	-- Loại khác		

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được trích từ các website sau:

- www.gov.sg/customs
- www.tradenet.gov.sg
- www.iesingapore.com
- www.ava.gov.sg
- http://app.ica.gov.sg/cargo_clearance/import.asp

Thương vụ Việt Nam tại Singapore